

Bản án số: 233/2024/DS-PT

Ngày: 24/5/2024

V/v: tranh chấp hợp đồng
mua bán và yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

2. Bà Võ Thị Hồng Mai.

Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 146/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2024/QĐXXPT-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Văn H, sinh năm 1964; cư trú tại: số F, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Lê Nguyễn Hoài H1, sinh năm 1989; cư trú tại: tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Võ Chí H2, sinh năm 1976; cư trú tại: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Cụ Lê Thị K, sinh năm 1941; cư trú tại: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn cụ Lê Thị K: bà Nguyễn Thị Thông H3, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo uỷ quyền; có mặt.

+ Cháu Võ Chí N, sinh năm 2008 và cháu Võ Trọng N1, sinh năm 2015; cùng cư trú tại: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người người đại diện hợp pháp của cháu Võ Chí N, cháu Võ Trọng N1 là: ông Võ Chí H2, sinh năm 1976; cư trú tại: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh – là cha ruột của cháu Chí N2, cháu Trọng N3.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; cư trú tại: tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Toà án không triệu tập.

- *Người kháng cáo:* cụ Lê Thị K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Văn H có kinh doanh cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cửa hàng có tên Lê H, tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông Võ Chí H2 và bà Nguyễn Thị Cẩm H4 có mua nợ phân bón của ông H để đầu tư canh tác, hện lên vụ thu hoạch nông sản sẽ thanh toán hết tiền nợ.

Vào ngày 30-4-2018, bà H4 có chột nợ với ông H là 209.000.000 đồng tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu. Từ tháng 5 năm 2018, ông H tiếp tục bán phân bón, thuốc trừ sâu cho ông H2, bà H4 nhiều lần, ông H2, bà H4 có lần trả tiền, có lần nợ lại. Đến ngày 17-9-2018 ông H, bà Nguyễn Thị L có làm văn bản thảo thuận nhận nợ và xác nhận nợ thể hiện ông H2, bà H4 còn nợ ông H 228.000.00 đồng. Đến ngày 15-10-2018 bà H4 trả được số tiền là 50.000.000 đồng, còn lại 178.000.000 đồng. Sau đó, hai bên tiếp tục mua bán đến ngày 10-02-2019 thì ngưng, đối chiếu công nợ tổng cộng là 267.247.000 đồng. Ngày 23-8-2019, ông H2, bà H4 trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 217.247.000 đồng, có ông H2 ký xác nhận nợ. Đến ngày 02-10-2020, tiếp tục trả cho ông H 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại là 207.247.000 đồng. Từ sau ngày 10-02-2019 đến nay ông H2, bà H4 không trả tiền cho ông H. Sau đó, ông được biết bà Nguyễn Thị Cẩm H4 đã chết cuối năm 2019.

Vì đây là khoản nợ phát sinh do vợ chồng ông H2, bà H4 làm ăn chung nên ông H khởi kiện, yêu cầu ông Võ Chí H2 trả cho ông H, bà L một nửa là 103.623.500 đồng tiền hàng còn nợ, tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày tiếp theo ngày 02-10-2020 và có nghĩa vụ cùng cháu Võ Chí N, cháu Võ Trọng N1, cụ Lê Thị Kim t phần nghĩa vụ của bà H4 chết để lại là 103.623.500 đồng, tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày tiếp theo ngày 02-10-2020.

Bị đơn, người đại diện hợp pháp của cháu Võ Trọng N1, Võ Chí N – ông Võ Chí H2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có

văn bản trình bày ý kiến.

Bị đơn – cụ Lê Thị K trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10-6-2022:

Cụ là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Cẩm H4, sinh năm 1979, đã chết năm 2019. Bà H4 có chồng là ông Võ Chí H2, có 02 người con là Võ Trọng N1, sinh năm 2015, Võ Chí N, sinh năm 2008. Bà H4 chết không để lại di chúc, không có tài sản gì. Bà H4 chết, còn nợ ông H bao nhiêu tiền thì cụ không biết. Nếu ông H có ghi sổ sách đầy đủ, có chữ ký chốt nợ của bà H4 và sự thừa nhận của ông H2 thì cụ đồng ý trả phần nợ của bà H4 cho ông H. Vì đây là nợ chung của bà H4, ông H2 nên ông H2 phải có nghĩa vụ trả phần của ông H2. Về nghĩa vụ trả nợ cho bà H4, cụ mong muốn ông H giảm tiền lãi vì tuổi cụ đã cao, không còn khả năng lao động, các con của bà H4 còn nhỏ tuổi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông Lê Văn H và người đại diện theo ủy quyền của ông H.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 146/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, 430, 440; khoản 2 Điều 468; Điều 613, 615 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đối với ông Võ Chí H2, cụ Lê Thị K, cháu Võ Trọng N1, cháu Võ Chí N về tranh chấp hợp đồng mua bán và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Buộc ông Võ Chí H2 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L số tiền 133.703.000 đồng.

Buộc ông Võ Chí H2, cụ Lê Thị K, cháu Võ Trọng N1, cháu Võ Chí N cùng có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn H 133.703.000 đồng trong phạm vi di sản của bà H4 chết để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2023, bị đơn cụ Lê Thị K có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện theo uỷ quyền của cụ K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng*: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của cụ Lê Thị Kim I trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

1.2. Ông Võ Chí H2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H2 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét kháng cáo của cụ Lê Thị K, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, ông H khai: việc mua bán phân bón, thuốc trừ sâu giữa ông H và vợ chồng ông H2, bà H4 mặc dù không có lập hợp đồng, không lập biên nhận thể hiện người mua, người bán nhưng có sổ theo dõi của ông H và văn bản xác nhận nợ của ông H2, bà H4 ghi ngày 17-9-2018; trong sổ theo dõi nợ 134 của ông H thể hiện cụ thể ngày 30-4-2018, bà H4 có ký tên chốt nợ với ông H là 209.000.000 đồng; đến ngày 17-9-2018 thì chốt nợ 228.000.000 đồng bằng Văn bản thỏa thuận và xác nhận nợ, có bà H4, ông H2 ký tên; đến ngày 15-10-2018 bà H4 trả được 50.000.000 đồng, sau đó tiếp tục mua bán nhiều lần, đến ngày 10-02-2019 chốt nợ là 267.247.000 đồng, đến ngày 23-8-2019 ông H2 trả số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 217.247.000 đồng, ông H2 có ký tên xác nhận; sau đó ngày 02-10-2020, ông H2 đã trả thêm số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với ông H2, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho ông H2 biết về yêu cầu khởi kiện của ông H và việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông H2 không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối các tài liệu chứng cứ do ông H cung cấp.

Hơn nữa, tại Kết luận giám định số: 763/KL-KTHS ngày 08-7-2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận chữ ký “Hằng” trong sổ theo dõi 134 và Văn bản thỏa thuận nợ và xác nhận nợ đối với các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Như vậy, lời khai và tài liệu, chứng cứ ông H cung cấp là có thật. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H2, bà H4 phải trả tiền nợ mua phân bón, vật tư nông nghiệp của ông H, bà L 207.247.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 03-10-

2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 28-9-2023 theo quy định của pháp luật là phù hợp, có căn cứ. Tiền nợ lãi được tính như sau: 207.247.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 10 tháng 25 ngày = 60.159.000 đồng.

Tổng cộng tiền phải trả là: 207.247.000 đồng tiền nợ gốc + 60.159.000 đồng tiền nợ lãi = 267.406.000 đồng.

Cụ K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của cụ K, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Cụ K kháng cáo không được chấp nhận nhưng được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn cụ Lê Thị K. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 146/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, 430, 440; khoản 2 Điều 468; Điều 613, 615 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đối với ông Võ Chí H2, cụ Lê Thị K, cháu Võ Trọng N1, cháu Võ Chí N về “Tranh chấp hợp đồng mua bán và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Buộc ông Võ Chí H2 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L số tiền 133.703.000 (một trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn) đồng.

Buộc ông Võ Chí H2, cụ Lê Thị K, cháu Võ Trọng N1, cháu Võ Chí N cùng có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn H 133.703.000 (một trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn) đồng trong phạm vi di sản của bà H4 chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho ông Lê Văn H 6.732.000 (sáu triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0017291 ngày 08-4-2022 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0017619 ngày 04-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ông Võ Chí H2 phải chịu tiền án phí là 8.356.500 (tám triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng.

Cháu Võ Trọng N1, cháu Võ Chí N, cụ Lê Thị K được miễn tiền án phí sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: cụ Lê Thị K được miễn tiền án phí phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện C, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình